TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-PT
Ngày: 19-3-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/3/2018 và ngày 19/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2017/TLPT- DS ngày 15/11/2017 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 382/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Tấn H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 841, tổ 36, ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tấn H là: Bà Lê Hồng D và ông Lý Ngọc B là trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp – Chi nhánh số 2 (Ông B xin vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Lê Anh T, sinh năm 1956 (chết 02/11/2015);

2. Nguyễn Thị Thanh T1 (vợ ông T), sinh năm 1971;

3. Lê Duy T2 (con ông T), sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Tổ 36, ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Thanh T1 và Lê Duy T2 là: Ông Lê Anh D1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 và anh T2 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2016).

- *Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh T*:

1. Nguyễn Thị Thanh T1 (vợ ông T), sinh năm 1971;

2. Lê Duy T2 (con ông T), sinh năm 1985;

3. Lê Duy T3 (con ông T và bà T1), sinh năm 2006;

Cùng địa chỉ: Ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Lê Duy T là: Bà Nguyễn Thị Thanh T1; Địa chỉ: Ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Thị Như T4 (con ông T), sinh năm 1979;

5. Lê Như N (Tên gọi khác: Kim A, con ông T), sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Ấp ĐT, xã ĐH, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Duy T2, Lê Thị Như T4 và Lê Như N: Ông Lê Anh D1; Địa chỉ: Ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2016, 25/8/2016, 21/10/2016 và 31/7/2017).

6. Lê Thị Như T5 (con ông T), sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đội 5, thôn PL, xã TH, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Mỹ N1 (vợ ông H), sinh năm 1954;

2. Nguyễn Thùy T6 (con ông H), sinh năm 1977;

3. Nguyễn Tấn T7 (con ông H), sinh năm 1980;

4. Trần Thụy Yến T8 (con dâu công H), sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp An1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Mỹ N1, các anh chị Nguyễn Thùy T6, Nguyễn Tấn T7 và Trần Thụy Yến T8 là: Ông Nguyễn Tấn H; Địa chỉ: Ấp An1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2015).

5. Lê Thị Cẩm Q (vợ anh T2), sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp An1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy của Lê Thị Cẩm Q là: Ông Lê Anh D1; Địa chỉ: Ấp An1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2017).

6. Ủy ban nhân dân thị xã H;

Địa chỉ: Khóm A, phường An, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã H: Ông Đặng Văn N2 – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị xã H; Địa chỉ: khóm A, phường An, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2017), có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Tấn H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H cũng là người đại diện của bà Nguyễn Mỹ N1, các anh chị Nguyễn Thùy T6, Nguyễn Tấn T7, Trần Thụy Yến T8 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn S (chết 1962) và Đinh Thị Đ (chết 1988) là ông, bà nội của ông H cho ông Lê Chí Th (cha của T, chết năm 1999) ở nhờ vào năm 1965 với diện tích khoảng hơn 300m^2, việc cho ở nhờ không có làm giấy tờ. Ông Th có hứa khi nào hòa bình thì ông Th sẽ trở

về phần đất của ông Th để ở và trả lại đất cho bà nội ông. Nhưng khi hòa bình thì ông Th vẫn tiếp tục ở lại, không thực hiện lời hứa của mình.

Năm 1980, ông Lê Anh T (con ông Th) cất thêm một cái kho trên phần đất của bà nội ông cho ông Th ở nhờ. Hiện nay ông T đang sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 242,4m^2. Ngoài căn nhà có trên phần đất, ông T còn có một căn nhà khác ở kinh Mương Lớn thuộc ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 2012, ông có làm thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần diện tích của ông, bà nội ông để lại cho ông, trong đó có phần đất của ông T đang ở. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01356 với diện tích là 651m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm.

Do ông T đã chết, nên ông yêu cầu vợ và con ông T là bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 phải liên đới di dời nhà và các tài sản khác trên đất để trả lại diện tích đất 242,4m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp An1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Ông đồng ý hỗ trợ toàn bộ chi phí di dời cho gia đình bà T1.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1, các anh chị Lê Duy T2, Lê Thị Như T4, Lê Như N, Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 cùng trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Chí Th, sinh năm 1917 (cha của T, chết năm 1999) để lại cho gia đình ông T, gồm có bà Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Duy T2, Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 đang quản lý, sử dụng.

Trên phần đất này, ông Th đã xây dựng 01 căn nhà từ năm 1965 và sử dụng diện tích đất xung quanh nhà để chăn nuôi, trồng trọt, tổng diện tích đất gia đình bà T1 hiện đang quản lý khoảng 400m^2, gia đình bà T1 sử dụng liên tục, ổn định, không ai tranh chấp cho đến khi xảy ra tranh chấp với ông H.

Sau giải phóng năm 1975, gia đình bà T1 đã nhiều lần đến chính quyền địa phương đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chính quyền trả lời rằng đây là phần đất nằm ven sông, có khả năng bị sạt lở nên chưa có chủ trương cho người dân đi đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, không biết bằng cách nào mà năm 2012, ông H

lại được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phần đất mà hiện nay gia đình bà T1 đang quản lý, sử dụng.

Nay Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1, Lê Duy T2, Lê Thị Như T4, Lê Như N, Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 không đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Tấn H. Đồng thời, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tấn H đối với diện tích 242,4m^2, thửa số: 140, tờ bản đồ số: 23, tọa lạc tại ấp An 1, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp để gia đình bà Nguyễn Thị Thanh T1 đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

- Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày:

Tại Công văn số: 1310/UBND-NC ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã H, về việc cung cấp thông tin đối với vụ kiện tranh chấp giữa ông Nguyễn Tấn H với ông Lê Anh T như sau: *"1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn H không đúng đối tượng sử dụng đất một phần thửa số 140, tờ bản đồ số 23. Do có nhà ở của ông Lê Anh T sử dụng trước khi cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông H"*.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 242,4m^2, một phần thửa số: 140, tờ bản đồ số: 23 do hộ ông Nguyễn Tấn H đứng tên.

Hộ bà Nguyễn Thị Thanh T1 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 242,4m^2 theo quy định của pháp luật. Đất có vị trí như sau:

Chiều ngang phía trước xác định từ mốc 1 đến mốc 2, 3 là 16,8m;

Chiều ngang phía sau xác định từ mốc 4 đến mốc 9 là 16,19m;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 3 đến mốc 4 (cặp đất ông D2) là 11,97m;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 1 đến mốc 9 (cặp đất ông Q1) là 16,01 m.

Trong đó:

Mốc 1 (Trụ đá): Đo gởi về trụ điện có chiều dài 4,50m và đo gởi về gốc nhà của ông Q1 có chiều dài 4,80m;

Mốc 3: Đo gởi về trụ đá có chiều dài 11,90m và đo gởi về gốc nhà của ông D2 có chiều dài 11,40m.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số: 193 – 2017 ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H) và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 3 năm 2017).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chí phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Tấn H làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo của mình, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc hộ bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả giá trị đất nền nhà và bếp 105,7m^2 và trả đất chuồng heo cùng ao cá "đã bỏ trống" cho ông. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tấn H phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đều xác định nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn S (chết 1962) và Đinh Thị Đ (chết 1988) là ông, bà nội của ông H cho ông Lê Chí Th (cha ông T), sinh năm 1917 (chết năm 1999) cất nhà ở từ năm 1965. Trong quá trình sử dụng đất, ông Th cho 03 người con tên là Lê Anh Đ1, sinh năm 1954, Lê Anh T, sinh năm 1956 và Lê Anh D2, sinh năm 1959 cất nhà ở trên phần đất này. Ông H chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 242,4m^2, thuộc thửa số 140, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại xã A, thị xã H hiện do bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 là những người trong gia đình ông Lê Anh T quản lý, sử dụng. Còn diện tích đất của ông Lê Anh Đ1 và ông Lê Anh D2 sử dụng ở vị trí khác.

[2] Ông Nguyễn Tấn H cho rằng bà nội ông chỉ cho ông Lê Chí Th ở nhờ trên đất và ông là người được thừa hưởng phần đất này nên yêu cầu những người trong hộ của ông Lê Anh T trả lại đất. Những người trong hộ ông T cho rằng đã được cụ Đ cho ông Th phần đất này, gia đình ông T sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài nên không đồng ý trả lại đất cho ông H. Tuy nhiên, phía Bị đơn không có chứng cứ để chứng minh là đã được cho luôn, còn ông H thì không thừa nhận. Mặt khác, ông H cũng đã đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 22/3/2000 (Theo Công văn số 1310, ngày 19/12/2016 của UBND thị xã Hồng Ngự). Mặc dù, UBND thị xã Hồng Ngự xác định: "*Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn H không đúng đối tượng sử dụng đất một phần thửa đất số 140, tờ bản đồ số 23. Do có nhà của ông Lê Anh Tuấn sử dụng trước khi cấp Giấy chứng nhận cho hộ ông H* ". Nhưng cho thấy, ông H không từ bỏ quyền sử dụng đất của mình nên ông mới đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Phía Bị đơn cho rằng có đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng chính quyền địa phương không cho đăng ký và cũng không có chứng cứ để chứng minh việc này. Do đó, việc ông H yêu cầu trả lại đất là có căn cứ. Bởi vì, đây là trường hợp cho mượn đất ở chứ không phải là chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời gian

dài theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật dân sự để công nhận quyền sử dụng đất cho phía Bị đơn.

[3] Căn cứ vào xác nhận ngày 13/02/2015 của UBND xã A thì: "*Hộ ông T không có tên trong sổ bộ quản lý. Nhưng thực tế đang sử dụng cái ao nằm trong phần đất đường nước thủy điện (do khoanh bao) chưa giải thửa, ông không đăng ký kê khai*". Như vậy, hộ ông T không có nhà khác ở kinh Mương Lớn thuộc ấp An 1, xã A, thị xã H như ông H trình bày. Xét gia đình ông T không có đất ở nào khác và đã ở ổn định, lâu dài trên phần đất tranh chấp từ năm 1965 đến nay, có công giữ gìn, cải tạo đất nên cần giữ nguyên cho hộ ông T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 242,4m^2 và phải trả cho ông H bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất theo biên bản thỏa thuận giá của các đương sự ngày 28/6/2017 là 300.000đ/m^2.

242,4 m^2 x 300.000đ x 50% = 36.360.000đ.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp một phần như đã phân tích ở trên.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp một phần.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 34, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 236 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Tấn H.

+ Buộc hộ bà Nguyễn Thị Thanh T1 (Gồm bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3) có nghĩa vụ liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn H là 36.360.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Công nhận cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh T1 (Gồm bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3) được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 242,4m^2 đất có vị trí trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 1 thuộc một phần thửa số 140, tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc tại xã A, thị xã H, do hộ ông Nguyễn Tấn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

+ Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 242,4m^2, thuộc một phần thửa số 140, tờ bản đồ số 23 do hộ ông Nguyễn Tấn H đứng tên nêu trên.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H).

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Tấn H được nhận lại 633.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16679 ngày 23/5/2014 và biên lai thu số 034511 ngày 09/12/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã H.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 có nghĩa vụ liên đới chịu 1.818.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 liên đới chịu 3.967.000 đồng. Do ông Nguyễn Tấn H đã nộp tạm ứng trước 2.469.000 đồng nên bà Nguyễn Thị Thanh T1, anh Lê Duy T2, chị Lê Thị Cẩm Q và Lê Duy T3 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông H 2.469.000 đồng.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sỹ Danh Đạt